

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2019.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp 3, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh M có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị T tự động bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh M đã nhiều lần tới lui để hàn gắn tình cảm nhưng không

có kết quả. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Trần Thị Ngọc T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Ngọc M có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn”.

Chị Trần Thị Ngọc T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Ngọc T.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, anh M và anh Trong chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa anh M và chị T là hợp pháp. Chị T đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết được nội dung anh M yêu cầu xin ly hôn với chị T, nhưng chị T không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa.

Thời gian đầu vợ chồng anh M và anh Trong chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng khoảng tháng 8 năm 2010 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh M có tới lui để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh M và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M là phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc M.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp theo biên lai số 0006875 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh M đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lưu Minh Tú